

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 5 - 2025.

V/v tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa
2. Bà Phạm Thị Việt Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025, về việc “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tổng Thị N, sinh năm 1995 (*Có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Viết L, sinh năm 1994 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện A, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tổng Thị N trình bày: Sau quá trình tìm hiểu và yêu thương nhau, chị N và anh L tự nguyện về chung sống vợ chồng, hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A vào ngày

24/3/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng khoảng thời gian sau chị N và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh L không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha trong gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, tình cảm vợ chồng đến nay đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa. Chị N và anh L đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay chị N xin được ly hôn với anh L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh L có 03 người con chung là cháu Huỳnh Thị Kim N1, sinh ngày 26/12/2013, giới tính nữ; cháu Huỳnh Thạch S, sinh ngày 11/01/2017, giới tính nam và cháu Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 29/4/2020, giới tính nữ. Chị N có nguyện vọng giao 03 người con chung là cháu Kim N1, cháu Thạch S và cháu Kim T cho anh L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn anh Huỳnh Viết L nhưng anh L đều vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục giải quyết vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về nội dung vụ án thì xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn chị Tống Thị N khởi kiện tranh chấp xin ly hôn, nuôi con với anh Huỳnh Viết L nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn anh Huỳnh Viết L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn chị Tống Thị N vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Tống Thị N xin được ly hôn với anh Huỳnh Viết L là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ giữa chị N và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng trong nhiều năm và đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Từ thời điểm ly thân, chị N và anh L không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ đó nhận thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ anh L đề ghi nhận ý kiến của anh L nhưng anh L đều vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, qua đó thể hiện anh L không có nguyện vọng khắc phục mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N.

Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Tống Thị N được ly hôn với anh Huỳnh Viết L.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh L có 03 người con chung là cháu Huỳnh Thị Kim N1, sinh ngày 26/12/2013; cháu Huỳnh Thạch S, sinh ngày 11/01/2017 và cháu Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 29/4/2020. Chị N có nguyện vọng giao 03 người con chung là cháu Kim N1, cháu Thạch S và cháu Kim T cho anh L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị N không cấp dưỡng nuôi con. Hiện 03 người con chung đều do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, do đó để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho các con chung của chị N và anh L được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên khi chị N, anh L ly hôn, đồng thời nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, môi trường giáo dục của cháu Kim N1, cháu Thạch S và cháu Kim T nên cần tiếp tục giao các con chung của chị N, anh L cho anh L được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định. Việc giao cháu Kim N1 và cháu Thạch S cho anh L cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu được thể hiện tại Đơn trình bày nguyện vọng ngày 18/6/2024 của cháu Kim N1 và cháu Thạch S.

Do anh L không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị N nên anh L có quyền khởi kiện để yêu cầu chị N cấp dưỡng bằng vụ kiện dân sự khác.

Căn cứ các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Tổng Thị N và anh Huỳnh Viết L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Tổng Thị N phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Tổng Thị N được ly hôn với anh Huỳnh Viết L.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Kim N1, sinh ngày 26/12/2013, giới tính nữ; cháu Huỳnh Thạch S, sinh ngày 11/01/2017, giới tính nam và cháu Huỳnh Thị Kim T, sinh ngày 29/4/2020, giới tính nữ, cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị N không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền khởi kiện yêu cầu chị N cấp dưỡng bằng vụ kiện dân sự khác.

Chị Tổng Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom các con chung và không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Tổng Thị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Tống Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005326 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị N đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Vân Khánh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn